TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 9 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 19/8, ngày 19/9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Số **, ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Chí L, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số **, ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Trần Văn Chí L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Trần Văn Chí L kết hôn năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh L được xây dựng trên cơ sở mai mối.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Mặc dù, hiện nay chị H và anh L sống chung nhà nhưng giữa chị và anh L không còn

tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Chí L.

Về con chung: Chị H và anh L có hai con chung tên Trần Khánh D, sinh ngày 17/12/2013 và Trần Đăng K, sinh ngày 28/10/2018. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với chị H và anh L. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn Chí L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Văn Chí L thống nhất, chị H và anh L kết hôn năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh L được xây dựng trên cơ sở mai mối.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Mặc dù, hiện nay anh L và chị H sống chung nhà nhưng giữa anh và chị H không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay anh Trần Văn Chí L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

Về con chung: Anh L thống nhất, chị H và anh L có hai con chung tên Trần Khánh D, sinh ngày 17/12/2013 và Trần Đăng K, sinh ngày 28/10/2018. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với chị H và anh L. Sau khi ly hôn, anh L đồng ý để chị H yêu cầu nuôi hai con chung, anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Trích lục khai sinh của Trần Đăng K và Trần Khánh D (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Văn Chí L cư trú tại ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Chí L.

Xét thấy, chị H và anh L chung sống với nhau từ năm 2012 không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*.

Mặt khác, trong quá trình chung sống chị H và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H và anh L đều xác định, giữa anh, chị không còn tình cảm với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị H và anh L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh L thống nhất, chị H được trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Khánh D, sinh ngày 17/12/2013 và Trần Đăng K, sinh ngày 28/10/2018.

Xét thấy, chị H xác định, hiện nay chị H và anh L cùng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, cháu K. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H và anh L thống nhất giao hai con chung là Khánh D và Đăng K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, tại Bản khai ngày 09/8/2022 cháu D có nguyện vọng sống chung với chị H. Việc thỏa thuận về con chung của chị H và anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 nên được chấp nhận.

Sau khi ly hôn, chị H và anh L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh L lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh L theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, anh L không tự nguyên cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét gải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L đều xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

- *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Trần Văn Chí L.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Khánh D, sinh ngày 17/12/2013 và Trần Đăng K, sinh ngày 28/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H không yêu cầu.

Chị H và anh L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án, số: 0010339 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị H đã nộp đủ tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên